

Số: 1352/QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Chi trả Trợ cấp xã hội Quý IV năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1211/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết 613/NQ-HĐTĐHTT ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết 719/NQ-HĐTĐHTT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-ĐHTTr ngày 07/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định Công tác sinh viên của Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thực hiện chi trả Trợ cấp xã hội Quý IV năm 2024 cho 699 sinh viên hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách nói tại Điều 1 được hưởng Trợ cấp xã hội Quý IV năm 2024, mức trợ cấp thực hiện theo Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/2/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trưởng phòng Quản lý sinh viên, trưởng các đơn vị công tác có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách nói tại Điều 1 thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Như Điều 1, 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLSV (Huy).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Duy Hưng

DANH SÁCH
SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI QUÝ IV NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 1352/QĐ-ĐHTTr ngày 10/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
1	Lương Hồng Hạ	11/01/2002	ĐH Tiểu học E	Hộ nghèo	2021-2025	300,000
2	Chu Minh Hoa	25/05/2004	ĐH SP Toán	Hộ nghèo	2022-2026	300,000
3	Nguyễn Thị Kim Chi	12/01/2004	ĐH SP Toán	Hộ nghèo	2022-2026	300,000
4	Hoàng Thị Kiều Trang	13/12/2004	ĐH SP Toán	Hộ nghèo	2022-2026	300,000
5	Nguyễn Thị Thảo	25/11/2004	SP Ngữ Văn	Hộ nghèo	2022-2026	300,000
6	Chu Khù De	09/05/2005	ĐH Mầm non B	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
7	Trần Thị Bích Việt	02/05/2005	ĐH Mầm non C	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
8	Lý Hồng Như	09/12/2005	ĐH Mầm non C	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
9	Đinh Thủy Tiên	26/12/2005	ĐH Mầm non D	Hộ Nghèo	2023-2027	300,000
10	Thào Thị Mây	03/07/2005	ĐH Mầm non E	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
11	Lò Duy Bảo	04/11/2005	ĐH SP Toán A	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
12	Vàng Thị Hương	21/01/2005	ĐH SP Toán B	Hộ Nghèo	2023-2027	300,000
13	Triệu Mai Anh	26/08/2005	ĐH Tiểu học A	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
14	Nguyễn Yên Nhi	27/05/2005	ĐH Tiểu học A	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
15	Nguyễn Thị Giang	19/07/2005	ĐH Tiểu học D	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
16	Dương Công Quân	16/09/2005	ĐH Tiểu học D	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
17	Lò Thị Mai	19/10/2005	ĐH Tiểu học E	Hộ Nghèo	2023-2027	300,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
18	Lý Trần Anh Quốc	07/10/2005	SP Ngữ Văn	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
19	Lê Thị Thu Huyền	13/11/2005	SP Ngữ Văn	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
20	Hầu Thị Vân	16/10/2005	SP Ngữ Văn	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
21	Cư Văn Khánh	17/05/2003	ĐH QTDVDLLH	Hộ nghèo	2022-2026	300,000
22	Lý Thị So	25/05/2005	ĐH QTDVDLLH	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
23	Đinh Thị Bích Hồng	17/12/2003	ĐH Điều dưỡng A	Hộ nghèo	2021-2025	300,000
24	Hoàng Thị Vân Anh	19/08/2005	ĐH Điều dưỡng	Hộ nghèo	2023-2027	300,000
25	Bàng Quốc Phong	25/10/2003	ĐH Dược	Khuyết tật	2023-2028	300,000
26	Hà Linh Vân	17/07/2003	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
27	Mai Bá Bằng	13/01/2003	ĐH Chính trị học	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
28	Lê Văn Tài	26/02/2004	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
29	Nguyễn Thu Hằng	02/01/2003	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
30	Sùng A Giả	18/07/2004	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
31	Triệu Thị Hoàng Thương	03/08/2004	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
32	Nông Thị Duyên	21/01/2004	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
33	Hoàng Văn Quân	23/11/2005	ĐH CTXH	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
34	Tướng Thị Sơn	15/06/2004	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
35	Ma Thị Thu Hằng	02/01/2004	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
36	Nông Minh Quý	02/06/2001	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
37	Quan Thị Thủy	09/01/2000	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
38	La Thanh Bình	16/11/2005	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
39	Dương Hồng Ánh	30/08/2004	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
40	Lý Văn Thành	29/01/1998	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
41	Lý Thành Long	17/09/2003	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
42	Phạm Hoàng Phương Linh	04/11/2003	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
43	Châu Văn Tuấn	27/05/2003	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
44	Tê Trung Hiếu	01/11/1997	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
45	Lý Thị Huệ	03/03/2002	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
46	Lục Văn Viễn	08/01/2003	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
47	Ma Đình Tuấn Anh	28/04/1999	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
48	Trần Linh Chi	22/12/2003	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
49	Giàng Lương Phương	25/10/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
50	Ma Thị Minh Hương	02/01/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
51	Hà Tố Uyên	04/06/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
52	Hoàng Thị Ngọc Ánh	29/09/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
53	Ma Thị Thúy	23/01/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
54	Ma Thị Hương Trà	21/11/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
55	Ma Thị Khánh	21/01/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
56	Lù Thị Luyện	01/01/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
57	Hoàng Thị Bích Lan	09/05/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
58	Ma Thị Phương Linh	09/05/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
59	Đàm Thị Tổ Uyên	16/11/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
60	Lưu Huyền Trang	20/11/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
61	Hoàng Thị Vân	09/05/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
62	Sài Thị Điệp	25/09/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
63	Ma Thị Thúy Kiều	12/10/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
64	Lương Thị Vi	06/11/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
65	Quan Thị Nga	24/08/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
66	Vàng Thị Thuyên	19/05/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
67	Quan Thị Diễm	07/07/2003	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
68	Hoàng Thị Phát	05/07/2002	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
69	Mùa Thị Huyền	02/12/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
70	Cà Thị Hạnh	17/10/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
71	Lường Thị Hồng Trang	01/11/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
72	Quảng Thị Thanh Phương	11/09/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
73	Long Thị Nguyên	14/04/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
74	Vàng Thị Si	10/10/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
75	Nguyễn Thị Loan	13/08/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
76	Giàng Thị Xay	14/09/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
77	Khoảng Thị Kim	03/04/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
78	Quan Ngọc Tuấn Tú	10/02/2003	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
79	Vũ Thị Minh Nguyệt	24/10/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
80	Hà Thị Hoài Thương	17/09/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
81	Ma Thị Ngọc Mai	30/11/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
82	Nguyễn Bảo Thoa	14/02/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
83	Cu Thanh Thủy	26/03/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
84	Vũ Triệu Tiềm Vi	04/12/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
85	La Thị Oanh	16/12/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
86	Trần Văn Thiện	10/12/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
87	Lương Thế Vũ	21/11/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
88	Hoàng Thu Dịu	25/04/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
89	Nông Thị Hồng Hạnh	15/01/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
90	Bàn Văn Duyên	22/10/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
91	Hoàng Thị Thu Thùy	09/12/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
92	Ma Thu Hoài	05/06/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
93	Đỗ Khánh Hòa	29/05/1999	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
94	Hoàng Hương Loan	07/11/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
95	Nông Đức Duy	01/03/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
96	Ma Thu Huệ	16/06/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
97	Ma Thủy Tiên	28/09/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
98	Hoàng Thị Hồng Vân	18/09/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
99	Ma Thị Oanh	24/05/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
100	Triệu Minh Phương	15/04/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
101	Triệu trung Dũng	12/11/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
102	Đinh Vân Trường	09/04/2002	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
103	Đinh Công Thành	24/10/2001	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
104	Lê Hồng Oanh	11/09/2003	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
105	Vũ Lương Huyền Lê	18/01/2002	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
106	Lương Thị Vân	10/10/2003	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
107	Hoàng Thị Mạnh	05/11/2003	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
108	Ma Thị Ngọc Lan	21/11/2003	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
109	Hầu Thị Hường	15/08/2002	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
110	Hoàng Thị Hương	23/05/2003	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
111	Dương Thị Liên	02/01/2002	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
112	Chúc Thị Dắt	26/09/1999	CĐ Mầm non	DTVĐBKK	2022-2025	420,000
113	La Khánh Duy	01/10/2004	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
114	Quân Văn Khoa	23/03/2001	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
115	Vi Minh Hiếu	15/08/2000	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
116	Quân Thùy Trang	10/09/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
117	Phạm Mai Huê	17/12/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
118	Hoàng Thị Lệ	02/01/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
119	Vừ Thị Dĩnh	19/04/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
120	Hoàng Thu Huyền	26/04/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
121	Mã Thị Dung	28/02/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
122	Nông Thị Thu Hiền	27/03/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
123	Hảng Thị Pàng	03/12/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
124	Ma Thị Bích Hồng	12/08/2004	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
125	Giàng Thị Xuân	18/08/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
126	Poòng Thị Điệp	03/03/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
127	Thùng Thị Hường	20/08/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
128	Hoàng Thị Trâm Hương	30/08/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
129	Đặng Thị Phụng	06/12/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
130	Đinh Thị Thùy Nhung	01/10/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
131	Mùi Thị Cẩm Ly	30/08/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
132	Đặng Thị Hà	01/09/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
133	Quân Thị Tuyết Mai	11/10/2003	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
134	Hoàng Thị Thanh Ngọc	20/10/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
135	Hoàng Minh Tiến	27/05/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
136	Lê Thị Lan Anh	22/06/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
137	Nguyễn Hải Lê	20/01/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
138	Ma Thị Loàn	30/01/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
139	Ma Thị Thanh Toan	03/06/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
140	Ma Thị Tú Anh	04/01/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
141	Hoàng Thị Thanh Quyên	09/06/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
142	Nông Thị Hường	14/01/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
143	Vừ A Ký	12/10/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
144	Mùi Văn Mừng	16/01/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
145	Lương Thị Huyền	02/03/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
146	Hoàng Phương Oanh	28/11/2003	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
147	Bế Thị Tam Bảo	17/05/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
148	Ngô Thị Nga	10/04/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
149	Triệu Duy Phong	24/02/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
150	Đinh Ngọc Trâm	23/11/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
151	Quan Thị Thu Mừng	02/09/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
152	Cà Thị Ngân	03/09/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
153	Đinh Thu Hoài	07/04/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
154	Đinh Anh Tuấn	27/06/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
155	Lương Việt Thắng	12/08/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
156	Đinh Thị Quỳnh Thơ	17/10/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
157	Đinh Mạnh Dũng	09/07/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
158	Nguyễn Trà My	14/08/2024	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
159	Triệu Ngọc Nam	14/02/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
160	Hoàng Phương Thảo	17/02/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
161	Nguyễn Kim Anh	11/05/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
162	Quan Thị Ngọc Huyền	16/01/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
163	Triệu Thanh Tâm	17/08/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
164	Lương Thị Loan	25/12/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
165	Trần Hương Giang	07/04/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
166	Vương Lê Uyên	27/01/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
167	Hoàng Thị Túc	30/03/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
168	Triệu Thị Mến	08/02/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
169	Mã Quang Khải	10/12/2003	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
170	Châu Thị Hiền	14/12/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
171	Dương Thị Thu Trà	12/01/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
172	Chu Thị Chiêu	30/04/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
173	Lò Mạnh Nhớ	22/02/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
174	Nông Thị Hoài	13/07/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
175	Quan Thị Hường	07/05/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
176	Đào Thị Hạnh	04/05/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
177	Ma Thị Hồng Tươi	24/06/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
178	Đinh Duy Khải	15/07/2003	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
179	Dương Thị Hằng	02/06/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
180	Nông Thanh Hậu	02/12/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
181	Nguyễn Thùy Linh	26/10/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
182	Nông Thị Kim Ngân	16/03/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
183	Hoàng Thị Huyện	02/01/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
184	Vương Thu Hảo	14/09/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
185	Lộc Thị Phương Linh	29/02/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
186	Hoàng Thị Tuyết	14/10/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
187	Nguyễn Thị Nguyệt	03/01/2002	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
188	Trần Văn Đức	15/03/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
189	Nguyễn Ngọc Dũng	26/02/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
190	Triệu Mùi Hồng	28/01/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
191	Hoàng Đức Trung	29/08/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
192	Hoàng Thị Quỳnh	11/06/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
193	Chúc Thị Thanh Thủy	23/11/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
194	Nguyễn Hoàng Linh	19/05/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
195	Nông Văn Minh	26/03/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
196	Nguyễn Thị Hoài Hậu	13/06/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
197	Nguyễn Thị Thương	18/04/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2022-2026	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
198	Hoàng Thị Hoa	16/12/2004	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
199	Vừ Thị Thu Nga	29/04/2003	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
200	Ma Thị Diên	12/02/2004	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
201	Hầu Thị Bích	10/04/2003	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
202	Phùng Thị Siên	18/08/2004	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
203	Ma Văn Thành	03/04/2004	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
204	Trương Thị Phụng	23/05/2003	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
205	Ma Thị Hòa	21/08/2004	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
206	Triệu Thị Liên	25/07/2004	CĐ Mầm non	DTVĐBKK	2023-2026	420,000
207	Hoàng Kiều Ly	25/09/2004	CĐ Mầm non	DTVĐBKK	2023-2026	420,000
208	Hoàng Thị Kim Thu	12/11/2004	CĐ Mầm non	DTVĐBKK	2023-2026	420,000
209	Sùng Thị Mai	10/01/2005	CĐ Mầm non	DTVĐBKK	2023-2026	420,000
210	Nông Thị Liên	25/08/2005	CĐ Mầm non	DTVĐBKK	2023-2026	420,000
211	Hoàng Văn Hải	23/11/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
212	Hoàng Đức Thanh	07/02/2004	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
213	Hứa Thế Thành	12/02/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
214	Nguyễn Vĩnh Hưng	03/12/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
215	Lưu Thanh Huy	06/12/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
216	Hứa Minh Quân	08/5/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
217	Quảng Thị Huệ	09/03/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
218	Quảng Thị Ngân	18/09/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
219	Lường Thị Hiệp	17/05/2003	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
220	Dương Thị Diệu Linh	19/04/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
221	Nông Thu Trang	18/01/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
222	Hoàng Thu Huệ	25/10/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
223	Lý Thị Lý	19/07/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
224	Khoàng Thị Nga	01/11/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
225	Lường Thị Giang	29/07/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
226	Thùng Thị Hóa	08/08/2005	ĐH Mầm non A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
227	Lò Thu Hiền	10/09/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
228	Ma Thị Giang	02/08/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
229	Lương Thị Thúy	15/03/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
230	Ma Thị Nguyệt	26/04/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
231	Lèng Thị Kim	20/10/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
232	Đinh Thị Thúc	10/04/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
233	Lèng Thị Tuyết	27/02/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
234	Lê Thị Hương Trà	11/12/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
235	Lý Lóng Nu	02/03/2005	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
236	Pờ Ha Sừ	14/04/2004	ĐH Mầm non B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
237	Bàn Phương Yên	24/09/2004	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
238	Lầu Thị Vân	13/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
239	Khoàng Thị Huyền	07/02/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
240	Lý Thủy Ngân	19/01/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
241	Thào Thị Xi	17/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
242	Bùi Tuyết Nhi	30/04/2003	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
243	Nông Hương Giang	26/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
244	Hoàng Thị Kim Ánh	01/04/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
245	Lò Thị Thu Hà	01/09/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
246	Poòng Thị Lan Hương	09/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
247	Poòng Thị Loan	21/06/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
248	Poòng Thị Thanh Nguyệt	22/08/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
249	Mạ Khò Xó	07/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
250	Đặng Thị Kim Oanh	25/10/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
251	Lý Thị Vừ	19/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
252	Giàng Thị Thành	10/11/2004	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
253	Lý Pó Lan	09/02/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
254	Hồ Hồng Hoa	05/02/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
255	Seo Thị Hoàng	08/06/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
256	Ma Thị Thảo	18/06/2004	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
257	Hà Thu Hoài	18/08/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
258	Đinh Thị Duyên	28/07/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
259	Lò Thị Huyền	29/08/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
260	Thào Thị Lìa	20/12/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
261	Quan Thùy Trang	12/10/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
262	La Thị Huệ	16/03/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
263	Lường Thị Hiệu	20/07/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
264	Vi Thị Hậu	26/04/2004	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
265	Hoàng Thị Nguyệt	01/06/2002	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
266	Hoàng Thị Bài	30/09/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
267	Vương Thị Liên	29/08/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
268	Nguyễn Lê Hồng Hạnh	06/03/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
269	Ma Thị Duyên	01/08/2005	ĐH Mầm non D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
270	Khoàng Xó Pứ	28/12/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
271	Quan Thị Minh Lý	02/09/2002	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
272	Và Thị Xuân Nghi	10/03/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
273	Ma Thị Ánh Nguyệt	28/05/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
274	Hà Kiều Vy	06/08/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
275	Triệu Hoài Thu	05/12/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
276	Lầu Khánh Linh	26/10/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
277	Quan Thị Kim Chi	18/10/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
278	Bùi Thị Minh	13/10/2005	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
279	Lương Thị Hồng Ngát	16/11/2002	ĐH Mầm non E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
280	Triệu Quang Hùng	15/06/2004	ĐH SP Toán A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
281	Hà Diệu Linh	01/08/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
282	Nguyễn Thu Thủy	09/01/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
283	Quảng Văn Minh	03/07/2004	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
284	Nông Kim Chi	19/10/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
285	Chu Thị Hồng Hạnh	02/08/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
286	Ly Khánh Đan	24/02/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
287	Bàn Thị Kim Chi	07/05/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
288	Lương Ngọc Hân	24/06/2005	ĐH Tiểu học A	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
289	Đặng Thị Thanh Giang	03/06/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
290	Hoàng Trung Sơn	26/06/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
291	Hoàng Minh Hằng	29/07/2004	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
292	Đặng Lâm Huyền	02/01/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
293	Hà Hương Giang	09/01/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
294	Hà Công Huân	12/11/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
295	Lương Thị Kim Tuyến	31/01/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
296	Bùi Đỗ Quang Huy	16/10/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
297	Ma Thị Mỹ Duyên	04/06/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
298	Quân Thị Phương Nhung	28/08/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
299	Lò Lan Anh	06/09/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
300	Hoàng Phương Thảo	03/05/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
301	Hồ Hồng Mai	23/05/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
302	Đinh Thu Hương	16/12/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
303	Sài Thị Minh	04/05/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
304	Ma Thị Ngọc Nhung	17/11/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
305	Lò Thị Chi	25/7/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
306	Hoàng Thị Vân Khánh	20/10/2005	ĐH Tiểu học B	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
307	Hoàng Thị Trang	04/08/2004	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
308	Bàn Văn Kết	07/04/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
309	Quàng Văn Kim	04/05/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
310	Ma Thị Thảo Trang	30/11/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
311	Hoàng Thị Lan Hương	14/09/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
312	Đàm Thị Kim Tuyền	05/01/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
313	Nguyễn Thùy Linh	22/12/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
314	Nông Phương Thảo	03/12/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
315	Triệu Vân Kiều	09/11/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
316	Lê Trung Hiếu	24/08/2003	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
317	Ma Văn Luân	17/10/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
318	Vi Thị Mai	02/03/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
319	Hoàng Kiên Nhân	15/08/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
320	Hứa Thị Quyên	11/03/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
321	Nguyễn Lê Thảo	07/01/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
322	Triệu Phương Uyên	20/08/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
323	Hoàng Thị Thơm	26/03/2004	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
324	Đinh Thị Nền	14/10/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
325	Lèo Duy Minh	01/06/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
326	Hà Thị Thanh Ngân	19/01/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
327	Giàng Thị Nga	02/02/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
328	Tần Thị Quấy	24/05/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
329	Tòng Văn Lâm Sung	24/03/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
330	Bùi Thị Thanh	20/10/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
331	Quan Diễm Quỳnh	02/01/2004	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
332	Hứa Anh Thơ	08/03/2005	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
333	Triệu Đức Toàn	19/07/2005	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
334	Vi Lệ Thương	25/02/2005	ĐH Tiểu học E	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
335	Hà Công Được	23/05/2003	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
336	Phùng Thị Thu Hà	27/01/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
337	Trần Thị Khánh Hòa	17/02/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
338	Triệu Hoài Thu	16/04/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
339	Hoàng Văn Thường	17/09/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
340	Vương Thế Vinh	25/11/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
341	Khoàng Thị Xuân	01/10/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
342	Lò Thị Hải Yến	20/03/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
343	Bùi Thị Yêu	20/06/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
344	Trần Hà Linh	16/07/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
345	Triệu Thị Thuyên	25/01/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
346	Ma Thị Phương Thảo	18/10/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
347	Nguyễn Thị Hoàng Yến	26/5/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
348	Mạc Lưu Ly	21/12/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
349	Vũ Quỳnh Anh	15/12/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
350	Lò Quốc Duy	10/12/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
351	Dương Thúy Hà	12/10/2005	ĐH Tiểu học F	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
352	Đặng Minh Khôi	21/03/2005	SP KHTN	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
353	Nguyễn Diệp Linh	02/06/2003	SP Toán	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
354	Ma Thị Mai	28/11/2005	SP Toán	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
355	Ma Thị Sen	17/11/2005	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
356	Lò Thị Trinh	26/08/2005	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
357	Tê Thị Nhung Nhi	31/07/2004	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2023-2027	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
358	Nguyễn Thị Ngọc Lan	24/09/2005	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
359	Nguyễn Vi Hoàng	04/03/2005	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
360	Tô Yến Nhi	26/08/2005	SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
361	Ma Thị Thu Sinh	01/01/2001	ĐH QTDVDLLH	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
362	Mụ Thị Kim Oanh	11/11/2004	ĐH QTDVDLLH	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
363	Lục Thị Hồng Nhung	14/10/2002	ĐH Dược	DTVĐBKK	2020-2025	420,000
364	Hoàng Thị Vinh Đào	28/02/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
365	Ma Thị Hồng Thắm	24/11/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
366	Hà Thị Thu Hiền	12/01/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
367	Phạm Đức Mạnh	04/05/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
368	Tho Văn Chung	01/11/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
369	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/11/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
370	Ma Thị Thoan	02/03/2003	ĐH Điều dưỡng A	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
371	Hứa Văn Khanh	06/01/2002	ĐH Điều dưỡng B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
372	Hoàng Văn Hà	27/10/2003	ĐH Điều dưỡng B	DTVĐBKK	2021-2025	420,000
373	Lâm Thị Hồng Giang	03/12/2003	ĐH Dược	DTVĐBKK	2021-2026	420,000
374	Tạ Vân Diệp	14/02/2003	ĐH Dược	DTVĐBKK	2021-2026	420,000
375	Sùng Thị La	20/07/2003	ĐH Điều Dưỡng	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
376	Vũ Như Quỳnh	02/02/2004	ĐH Điều Dưỡng	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
377	Lê Hồng Thu	27/09/2004	ĐH Điều Dưỡng	DTVĐBKK	2022-2026	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
378	Vương Cát Lượng	12/12/2004	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
379	Hoàng Thị Nga	08/05/2004	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
380	Nguyễn Thị Bích Duyệt	10/05/2004	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2022-2026	420,000
381	Phạm Hà Đức Tuấn	29/05/2005	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
382	Đinh Văn Tân	06/11/2004	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
383	Hoàng Xuân Hậu	08/03/2004	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
384	Nông Thị Thu Trang	11/06/2005	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
385	Ma Thu Phương	08/03/2005	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
386	Nguyễn Thị Đình Hương	16/11/2005	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
387	Lường Hải Tuấn	16/04/2004	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
388	Ma Thị Thu Huyền	11/03/2005	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
389	Nông Trường Giang	10/11/2005	ĐH Điều dưỡng	DTVĐBKK	2023-2027	420,000
390	Bùi Thị Thanh Ngân	09/12/2005	ĐH Dược	DTVĐBKK	2023-2028	420,000
391	Hà Kiều Trang	10/12/2005	ĐH Dược	DTVĐBKK	2023-2028	420,000
392	Ma Thành Thạo	20/08/2003	ĐH CTXH	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
393	Chúc Văn Trường	20/06/2006	ĐH Kế Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
394	Đặng Anh Tú	05/12/2006	ĐH Kế Toán A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
395	Hà Thị Khánh Chi	03/03/2006	ĐH Kế Toán A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
396	Hoàng Minh Vũ	13/08/2006	ĐH Kế Toán A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
397	La Minh Vũ	04/11/2005	ĐH Kế Toán A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
398	Triệu Văn Thanh	26/02/2006	ĐH Kế Toán A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
399	Nguyễn Trọng Vũ	21/03/2005	ĐH Kế Toán B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
400	Hoàng Quốc Hưng	11/11/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
401	Lò Văn Ngọc	10/06/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
402	Ma Quốc Việt	22/12/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
403	Ma Trọng Hưng	20/10/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
404	Ma Văn Nguyên	04/11/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
405	Trần Đức Hải	15/09/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
406	Triệu Văn Hưng	21/09/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
407	Hoàng Đức Mạnh	24/05/2006	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
408	Đinh Bảo Lâm	15/06/2005	ĐH CNTT	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
409	Nông Hải Nam	14/08/2005	ĐH CNTT	Hộ nghèo	2024-2028	300,000
410	Bùi Thị Hương Yên	04/11/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
411	Chu Đồng Minh Diễm	25/08/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
412	Đặng Thị Hồng Hạnh	26/03/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
413	Điêu Chính Lâm	10/03/2005	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
414	Giàng Thị Lan	29/07/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
415	Giàng Thị Mai Thu	05/06/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
416	Giàng Thị Nu	05/04/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
417	Giàng Thị Nhung	23/12/2005	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
418	Hà Thị Ly	20/01/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
419	Hạng Thị Duyên	21/06/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
420	Hoàng Thị Bích Huệ	24/01/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
421	Hứa Thị Bích	12/06/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
422	Lê Thị Phương Thảo	07/10/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
423	Lò Thị Cương	14/02/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
424	Mông Thị Tâm	11/03/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
425	Mùa Thị Kim Dung	17/03/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
426	Nông Thị Phương Thảo	26/01/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
427	Sùng Thị Chá	04/04/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
428	Sùng Thị Di	01/10/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
429	Sùng Thị Mai	30/08/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
430	Tần Thị Thanh Xuân	02/08/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
431	Tòng Thị Yến	01/02/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
432	Thào Thị Chơ	16/04/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
433	Thào Thị Đông	24/08/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
434	Thào Thị Phương	10/12/2005	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
435	Trần Thị Hương	02/03/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
436	Triệu Thị Lai	20/09/2005	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
437	Vàng Thị Mỹ Hạnh	26/02/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
438	Vừ Thị Sinh	21/01/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
439	Xa Thị Ngân	04/01/2006	ĐH Mầm Non A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
440	Đinh Thị Nguyệt	21/04/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
441	Bùi Thị Hường	18/10/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
442	Bùi Thị Trà My	03/08/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
443	Cà Thị Phương Oanh	22/07/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
444	Đặng Thị Thảo Hiền	12/11/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
445	Đinh Nguyễn Huyền Thương	26/04/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
446	Đinh Thị Hồng Vy	08/02/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
447	Hà Thị Nhân	19/05/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
448	Hà Thị Thu Thủy	26/01/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
449	Hoàng Thị Sanh	01/05/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
450	Lò Thị Ánh Tuyết	01/09/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
451	Lò Thị Oanh	24/11/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
452	Lò Thị Thanh Vân	24/10/2005	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
453	Lò Thị Thúy	08/02/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
454	Lường Thị Quỳnh	11/03/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
455	Lý Hồng Nhung	02/01/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
456	Mã Khánh Linh	17/11/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
457	Ma Thị Ngọc Anh	24/08/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
458	Nông Thị Hồng Dâng	25/07/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
459	Quảng Thị Niệm	16/04/2005	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
460	Tường Như Trang	17/11/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
461	Triệu Thị Thu Hà	26/06/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
462	Vàng Thị Xinh	12/10/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
463	Ma Thị Thúy	02/10/2006	ĐH Mầm Non B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
464	Hoàng Phương Oanh	05/08/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
465	Hồ Thị Sơ	27/05/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
466	Lã Thị Ngọc	19/07/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
467	Lò Thị Kim Hoa	24/06/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
468	Lò Thị Mai Duyên	12/01/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
469	Lò Thị Tiêm	29/11/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
470	Lò Thị Thu Hà	31/01/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
471	Lò Thị Thủy	03/08/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
472	Lường Bảo Ngân	18/08/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
473	Lý Thị Diệp	10/09/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
474	Poòng Thị Hiền	12/12/2005	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
475	Poòng Thị Lưu	26/03/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
476	Sùng Thị Hạnh	24/09/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
477	Triệu Bích Ngọc	01/02/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
478	Đoàn Thu Huệ	18/12/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
479	Hù Thị Thúy	17/03/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
480	Lò Thùy Trang	23/11/2006	ĐH Mầm non C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
481	Đỗ Thùy Dương	06/06/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
482	Hà Khánh Ly	31/10/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
483	Hà Thị Thùy Linh	19/12/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
484	Hoàng Cẩm Ly	16/10/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
485	Hoàng Thị Loan	15/01/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
486	Hoàng Thị Quỳnh	19/10/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
487	Hoàng Thị Thu Trang	17/05/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
488	Hoàng Thị Thủy Tiên	26/12/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
489	Lô Thị Huyền Trang	20/12/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
490	Lương Thị Huệ	25/06/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
491	Ly Thị Diệu Vy	27/03/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
492	Ma Thị Hương Thảo	14/07/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
493	Nguyễn Thị Kim Huệ	14/09/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
494	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30/10/2006	ĐH Mầm Non D	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
495	Nguyễn Thị Thu	01/02/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
496	Sông Thị Sênh	04/06/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
497	Trương Gia Như	29/01/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
498	Nông Thị Phụng	01/06/2006	ĐH Mầm Non D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
499	Hoàng Đức Mạnh	10/02/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
500	Dương Thị Minh Phương	08/12/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
501	Đặng Thị Thúy Lê	23/09/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
502	Hà Thị Thùy Dương	06/12/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
503	Hoàng Tuyết Như	05/06/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
504	Mùi Thị Huyền	09/09/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
505	Ngô Thị Hường	30/03/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
506	Nguyễn Lê Quyên	11/09/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
507	Phan Thị Thu Hương	16/08/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
508	Quàng Diệp Hồng	28/02/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
509	Quàng Thị Hà	28/02/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
510	Vi Thị Yên	28/03/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
511	Hoàng Trà My	01/09/2006	ĐH Mầm Non E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
512	Đinh Thị Nguyệt	28/08/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
513	Bàn Thị Mai Linh	01/02/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
514	Đàm Khánh Linh	29/01/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
515	Đặng Thùy Linh	27/10/2006	ĐH Tiểu Học A	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
516	Giàng Thị Mai Anh	05/07/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
517	Hà Minh Tuệ	09/11/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
518	Hà Thị Linh	19/05/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
519	Hoàng Bích Huế	03/02/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
520	Hoàng Thị Hồng Nhung	20/10/2005	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
521	Hoàng Thị My Lê	03/05/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
522	Hoàng Thị Thu Hà	25/06/2005	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
523	La Thị Hương Giang	16/01/2006	ĐH Tiểu Học A	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
524	Lò Đăng Quốc	06/10/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
525	Lò Thị Nhung	11/05/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
526	Lò Thị Phương Dinh	31/12/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
527	Lù Văn Chưởng	20/07/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
528	Lương Thu Hà	09/01/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
529	Lường Thuỳ Linh	05/10/2005	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
530	Lưu Thị Thu Hoài	14/10/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
531	Mã Thị Chung	10/03/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
532	Ma Thị Hường	09/08/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
533	Ma Thị Kim Dương	23/10/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
534	Mai Thị Lan Hương	10/01/2006	ĐH Tiểu Học A	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
535	Nguyễn Tiến Cường	20/01/2005	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
536	Nguyễn Thị Lan	27/01/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
537	Nguyễn Thị Trà Mi	03/07/2006	ĐH Tiểu Học A	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
538	Quảng Thị Tuyền	16/09/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
539	Trần Quỳnh Dương	05/11/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
540	Trần Thị Thúy Huyền	25/07/2005	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
541	Vì Thị Thùy Linh	04/06/2006	ĐH Tiểu Học A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
542	Bàn Thúy Vân	25/04/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
543	Chu Thị Hồng Nhung	28/07/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
544	Đàm Thị Thư	12/04/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
545	Đàm Xuân Diệu	22/01/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
546	Đặng Quỳnh Như	09/09/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
547	Giàng Thị Bồng	20/09/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
548	Hoàng Lan Hương	18/09/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
549	Hoàng Kim Xuyên	08/03/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
550	Hoàng Thị Ngọc Ánh	10/04/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
551	Hoàng Thu Diệu	08/10/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
552	Hoàng Văn Chín	07/09/2005	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
553	Nông Thị Loan	19/02/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
554	Nông Thị Thúy Kiều	28/01/2005	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
555	Ngọc Thị Thảo Lam	25/03/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
556	Nguyễn Thị Mai Hoa	05/09/2006	ĐH Tiểu Học B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
557	Bùi Thảo Ly	12/08/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
558	Bùi Thị Quỳnh Hiếu	16/08/2006	ĐH Tiểu học C	Hộ nghèo	2024-2028	300,000
559	Đậu Thị Lan	29/08/2006	ĐH Tiểu học C	Hộ nghèo	2024-2028	300,000
560	Hoàng Thu Uyên	15/03/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
561	Lành Thị Thu Hiền	21/08/2006	ĐH Tiểu học C	Hộ nghèo	2024-2028	300,000
562	Lăng Minh Sơn	25/10/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
563	Lò Thị Hòa	29/10/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
564	Lò Thị Thái	10/01/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
565	Lò Bích Hồng	12/12/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
566	Lường Văn Dũng	22/09/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
567	Ly Thị Chứ	10/09/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
568	Lý Thu Hằng	19/06/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
569	Poòng Thị Oanh	17/03/2005	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
570	Phùng Thị Mai	28/03/2006	ĐH Tiểu học C	Hộ nghèo	2024-2028	300,000
571	Trần Thu Hà	26/07/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
572	Sùng A Dũng	20/02/2006	ĐH Tiểu học C	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
573	Chư Thu Hằng	09/12/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
574	Đào Ly Tâm	02/11/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
575	Hoàng Như Quỳnh	06/02/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
576	Hoàng Thị Diễm	20/05/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
577	Lương Thị Tố Uyên	26/02/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
578	Ma Thị Thanh Tâm	16/04/2005	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
579	Nguyễn Thị Hòa	05/01/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
580	Quan Thị Khánh Linh	17/10/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
581	Vương Nguyễn Quỳnh	24/09/2006	ĐH Tiểu học D	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
582	Vũ Hồng Nhung	13/05/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
583	Bàn Thu Liễu	09/04/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
584	Bùi Thị Kim Oanh	22/08/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
585	Cà Thị Nhân	28/09/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
586	Đào Quốc Dũng	16/10/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
587	Đặng Thị Hoa	03/09/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
588	Đặng Thị Ngân	22/03/2004	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
589	Đinh Quang Huy	15/10/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
590	Hà Khánh Châu	02/09/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
591	Hà Khánh Huyền	18/10/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
592	Hoàng Phương Thảo	01/05/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
593	Hoàng Thị Linh Nga	09/04/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
594	Hoàng Thị Sinh	10/06/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
595	Lò Thị Nhi	05/07/2004	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
596	Lò Thị Hoan	22/12/2005	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
597	Lò Thị Tươi	03/08/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
598	Lò Văn Thúy	20/10/2004	ĐH Tiểu Học E	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
599	Lường Thị Mai Hương	29/09/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
600	Lường Thị Thu Huệ	04/10/2005	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
601	Lương Thị Vân Anh	11/08/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
602	Lý Bích Diệp	07/07/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
603	Lý Phương Thảo	18/02/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
604	Mùi Thị Hiền	19/01/2006	ĐH Tiểu Học E	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
605	Quàng Thị Chum	10/01/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
606	Tòng Văn Đức	04/01/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
607	Vì Thị Nhung	20/10/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
608	Vũ Ngọc Thiện	09/11/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
609	Vũ Thị Mai Trang	29/09/2006	ĐH Tiểu Học E	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
610	Hoàng Cam Duyên	08/07/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
611	Thuận Thị Hằng	28/03/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
612	Đoàn Phương Mai	18/10/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
613	Hà Mai Lan	17/11/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
614	Hà Phương Thảo	09/10/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
615	Lương Thị Thảo	30/08/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
616	Ma Thị Thùy	28/11/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
617	Nguyễn Thị Ngà	04/11/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
618	Nguyễn Thu Thủy	20/01/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
619	Phạm Thị Trà My	04/12/2005	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
620	Trần Thị Xuyên	26/02/2006	ĐH Tiểu Học F	Khuyết Tật	2024-2028	300,000
621	Trịnh Thị Phương	28/08/2006	ĐH Tiểu Học F	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
622	Nguyễn Việt Duy	20/06/2006	SP KHTN	Khuyết Tật	2024-2028	300,000
623	Phàn Thị Hải Yến	16/05/2006	SP KHTN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
624	Triệu Mai Hương	01/07/2006	SP KHTN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
625	Nguyễn Hồng Ngọc	18/08/2005	SP KHTN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
626	Mai Trà My	13/01/2006	SP KHTN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
627	Lý Kim Loan	26/12/2005	SP KHTN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
628	Quan Hùng Cường	10/02/2006	SP KHTN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
629	Nguyễn Thị Hải Yến	27/02/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
630	Đặng Châu Giang	06/06/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
631	Đặng Hoàng Minh Thư	30/06/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
632	Hà Thị Kim Tuyết	29/12/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
633	Hoàng Thị Thanh Vang	07/05/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
634	Hoàng Thúy Mai	25/05/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
635	Lò Thị Hoài Nghi	03/04/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
636	Lý Lê Hồng Nhung	05/07/2005	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
637	Ma Thị Hà My	25/10/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
638	Ma Thị Tường Vy	22/07/2006	ĐH SP Ngữ Văn	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
639	Nông Ngọc Linh	04/12/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
640	Nông Thị Kim Nga	24/06/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
641	Sầm Đức Viên	18/05/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
642	Trần Thị Phương Thảo	15/08/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
643	Triệu Thu Hà	16/08/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
644	Triệu Thùy Linh	23/01/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
645	Trương Diệu Hà	11/11/2006	ĐH SP Ngữ Văn	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
646	Đặng Phương Mai	10/11/2005	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
647	Hà Anh Quân	05/01/2006	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
648	Nông Mạnh Bình	11/02/2006	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
649	Nông Thị Thanh Trà	17/08/2006	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
650	Nguyễn Thị Thúy Nga	16/11/2006	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
651	Phạm Tân Lập	07/12/2006	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
652	Quảng Thị Như Nguyệt	07/12/2006	ĐH SP Toán	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
653	Trần Huyền Trang	07/05/2006	ĐH SP Toán	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
654	Châu Thanh Bằng	26/03/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
655	Chúc Thanh Thảo	14/11/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
656	Đặng Quang Huy	22/08/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
657	Hoàng Long Vũ	15/02/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
658	Hoàng Văn Tuyên	28/10/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
659	Nguyễn Thị Hải Anh	23/05/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
660	Phàn Minh Oóng	24/04/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
661	Quan Đức Anh	10/08/2006	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
662	Quan Quang Lịch	10/10/2005	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
663	Hà Xuân Nghĩa	15/01/2005	ĐH QLVH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
664	Đinh Thị Loan	16/04/2005	ĐH QTDVDL&LH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
665	Nguyễn Thị Ngoi	10/04/2006	ĐH QTDVDL&LH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
666	Phàn Thị Lệ	14/02/2006	ĐH QTDVDL&LH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
667	Phùng Thiên Toàn	05/01/2005	ĐH QTDVDL&LH	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
668	Ma Thị Anh Thư	20/07/2006	ĐH Dược	DTVĐBKK	2024-2029	420,000
669	Châu Thị Phương Linh	29/03/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
670	Lò Thị Thiệp	06/09/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
671	Ma Ngọc Thoan	23/05/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
672	Ma Thị Diễm	10/06/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
673	Ma Thị Loan	03/09/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
674	Nguyễn Ánh Ngọc	09/12/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
675	Quan Thị Thơm	16/09/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
676	Quàng Thị Diệu Nhung	12/06/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
677	Sùng A Ký	24/09/2006	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
678	Thào Hoa Mây	27/04/2006	ĐH Điều Dưỡng A	Hộ Nghèo	2024-2028	300,000
679	Triệu Thị Tuyên	18/12/2005	ĐH Điều Dưỡng A	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
680	Hoàng Minh Quân	26/06/2006	ĐH Điều Dưỡng B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
681	Triệu Thị Thùy Trang	17/12/2006	ĐH Điều Dưỡng B	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
682	Trương Ngọc Châm	16/05/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
683	Chu Mụ Mụ	08/02/2004	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
684	Pờ Ha Mụ	02/01/2000	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
685	Lò Thị Mai Thắm	09/10/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
686	Hà Thị Hải Yến	24/12/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
687	Lù Thị Thúy	06/10/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
688	Ma Thị Tin	21/06/2005	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
689	Hò Thị Thom	20/05/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
690	Lò Thị Minh Phượng	06/01/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
691	Lò Kim Nhung	20/10/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
692	Vừ Thị Sinh	05/01/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
693	Quan Thị Nhi	14/08/2000	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
694	La Thị Ly	16/08/2005	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
695	Triệu Thị Thúy Hồng	25/12/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
696	Lò Thị Hoa	01/10/2003	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
697	Lèng Thị Hạnh	19/08/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Lớp	Đối tượng	Khóa học	Số tiền (Đồng)
698	Lò Thị Hải	24/10/2005	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
699	Lê Quỳnh Châm	13/03/2006	Cao đẳng GDMN	DTVĐBKK	2024-2028	420,000
Tổng số tiền						288,420,000
Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng						

(Ấn định danh sách gồm có 699 sinh viên)